

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 2788/2024/DS-ST
Ngày: 28 - 6 - 2024
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trúc Chi.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Võ Thị Gái.
- Bà Nguyễn Hương Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thảo – Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 446/2023/TLST-DS ngày 20 tháng 3 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3845/2024/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 6 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 4414/2024/QĐST-DS ngày 20 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TNHH Một thành viên H2 (Việt Nam).

Địa chỉ: Tòa nhà T Đường Đ, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Võ Kiều H (Giấy ủy quyền ngày 08/3/2024 của Ngân hàng TNHH Một thành viên H2), bà H vắng mặt theo Đơn xin vắng mặt ngày 28/6/2024.

2. Bị đơn: Bà Bùi Thị Lan A.

Địa chỉ: B, Tháp Madison T, Số B L, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 13/10/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng TNHH Một thành viên H2 (Việt Nam) có bà Võ Kiều H là người đại diện theo ủy quyền trình bày như sau:

1. Về khoản vay tín chấp tài khoản số 106-161748-391:

Ngân Hàng H2 và bà Bùi Thị Lan A ký kết Đơn yêu cầu cung cấp tín dụng và mở tài khoản cá nhân ngày 21/03/2019 do bà L với tư cách là bên vay ký Thư cấp khoản vay, theo đó, Ngân hàng H2 đồng ý cấp cho bà L một khoản vay trị giá 500.000.000 đồng với thời hạn vay 60 tháng, kể từ ngày 26/03/2019 (là ngày rút khoản vay), lãi suất áp dụng thỏa thuận là 12.99%/năm. Toàn bộ khoản vay gốc và lãi sẽ được hoàn trả bằng 60 đợt hoàn trả bằng nhau vào ngày 26 mỗi tháng.

Thực hiện theo Thư cấp khoản vay, Ngân hàng H2 đã giải ngân toàn bộ khoản vay và bà Lan A đã xác nhận nợ vay theo Đơn đề nghị giải ngân ngày 26/03/2019. Bất chấp quy định của T cấp khoản vay cũng như các thông báo đòi nợ của Ngân hàng H2, đến nay bà Lan A đã không thanh toán đầy đủ khoản vay và lãi. Nay Ngân hàng TNHH Một thành viên H2 (Việt Nam) yêu cầu bà Bùi Thị Lan A hoàn trả nợ gốc: 429.716.981 đồng, nợ lãi trong hạn: 141.429.834 đồng, nợ lãi quá hạn tạm tính đến ngày 28/6/2024: 175.002.031 đồng. Cộng cả tiền nợ gốc và lãi là: 746.148.847 đồng.

2. Về khoản nợ từ thẻ tín dụng số 4378410000392495:

Bà Bùi Thị Lan A đã ký Đơn đăng ký thẻ tín dụng HSBC để được cấp thẻ tín dụng (Đơn mở thẻ). Ngân hàng đã chấp thuận Đơn mở thẻ và cấp cho bà Lan A một thẻ tín dụng HSBC có số thẻ là 4378410000392495. Theo Đơn mở thẻ và Bản chấp thuận sử dụng thẻ tín dụng, khoản dư nợ thẻ hàng tháng sẽ được thanh toán cho Ngân hàng theo phương thức ghi nợ vào tài khoản của bà Lan A mở tại Ngân hàng vào ngày thanh toán định kỳ hàng tháng. Nay Ngân hàng TNHH Một thành viên H2 (Việt Nam) yêu cầu bà Lan A thanh toán khoản tiền nợ lãi 96.909.180 đồng từ thẻ tín dụng.

Tổng cộng, tạm tính đến ngày 28/6/2024, bà Bùi Thị Lan A còn nợ Ngân hàng TNHH Một thành viên H2 (Việt Nam) số tiền: 843.058.027 đồng.

Ngoài ra, Ngân hàng TNHH Một thành viên H2 (Việt Nam) yêu cầu bà Bùi Thị Lan A thanh toán tiền lãi phát sinh sau ngày 28/6/2024 theo Hợp đồng tín dụng và Đơn đăng ký thẻ tín dụng HSBC cho đến khi toàn bộ khoản vay

được tất toán. Trong trường hợp bà **Bùi Thị Lan A** không thanh toán toàn bộ khoản vay và nợ thẻ trên, **Ngân hàng TNHH Một thành viên H2** (Việt Nam) sẽ yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản do bà **Bùi Thị Lan A** sở hữu để đảm bảo thi hành án. Cả 02 khoản nợ trên là nợ riêng của bà **Bùi Thị Lan A**, không liên quan đến ai khác.

*Bị đơn bà **Bùi Thị Lan A** vắng mặt trong quá trình tiến hành tố tụng nên Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức không thu thập được lời trình bày của bà **Lan A**.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ trình tự, thủ tục luật định nhưng đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức lưu ý về thời hạn chuẩn bị xét xử theo Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn **Ngân hàng TNHH Một thành viên H2** (Việt Nam) khởi kiện bị đơn bà **Bùi Thị Lan A** về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Theo Phiếu yêu cầu xác minh số 679/PYCXM ngày 17/11/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, bị đơn bà **Bùi Thị Lan A** không đăng ký hộ khẩu thường trú, không tạm trú, không thực tế cư trú tại địa chỉ: **B, Tháp Madison T, Số B L, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh**. **Ngân hàng TNHH Một thành viên H2** (Việt Nam) cung cấp bản photo Giấy chứng minh nhân dân số 230668038 ngày 16/7/2012 do **Công an tỉnh G** cấp cho bà **Bùi Thị Lan A**, thể hiện địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú của bà **Lan A** tại: **Số D Đường L, thành phố P, tỉnh Gia Lai** (không có xã, phường, thị trấn). Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức đã tiến hành xác minh địa chỉ của bà **Lan A** tại **Công an thành phố P** nhưng không nhận được kết quả trả lời. Theo thông tin do bà **Bùi Thị Lan A** cung cấp tại Đơn yêu cầu cung cấp thẻ tín dụng và mở tài khoản cá nhân ngày 21/3/2019, bà **Lan A** làm việc tại **Công ty CP T1** có địa chỉ trụ sở tại **B, Tháp Madison T, Số B L, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh**. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố

tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức là cơ quan có thẩm quyền giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm.

[2] Về thủ tục tố tụng:

[2.1] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TNHH Một thành viên H2 (Việt Nam) là bà Võ Kiều H vắng mặt nhưng có đơn xin vắng mặt; bị đơn bà Bùi Thị Lan A vắng mặt. Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức đã thực hiện thủ tục thông báo văn bản tố tụng trên phương tiện thông tin đại chúng đối với bà Lan A. Căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2.2] Ngân hàng TNHH Một thành viên H2 (Việt Nam) cung cấp thông tin bà Bùi Thị Lan A đóng bảo hiểm xã hội tại Công ty CP C, tầng 4 tòa nhà S, Lô D Khu đô thị M, Đường D, phường Y, quận C, thành phố Hà Nội từ năm 2021. Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức đã thực hiện thủ tục ủy thác thu thập tài liệu, chứng cứ bằng Quyết định ủy thác thu thập chứng cứ số 1362/2024/QĐ-UTTA ngày 02/3/2024 nhưng không nhận được kết quả. Vì vậy, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[3] Về yêu cầu của đương sự: Nguyên đơn Ngân hàng TNHH Một thành viên H2 (Việt Nam) yêu cầu bị đơn bà Bùi Thị Lan A trả tiền nợ gốc và tiền lãi, Hội đồng xét xử nhận định:

[3.1] Về hiệu lực của Đơn yêu cầu cung cấp tín dụng và mở tài khoản cá nhân ngày 21/3/2019 và Đơn đăng ký thẻ tín dụng Ngân hàng HSBC ngày 08/8/2016: Căn cứ ý kiến trình bày của Ngân hàng TNHH Một thành viên H2 (Việt Nam), đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được, có đầy đủ cơ sở để xác định: Ngày 21/3/2019, Ngân hàng TNHH Một thành viên H2 (Việt Nam) ký Đơn yêu cầu cung cấp tín dụng và mở tài khoản cá nhân để cấp cho bà Bùi Thị Lan A một khoản vay trị giá 500.000.000 đồng với thời hạn vay 60 tháng, kể từ ngày 26/03/2019 (là ngày rút khoản vay). Ngoài ra, bà Lan A còn ký Đơn đăng ký thẻ tín dụng Ngân hàng HSBC ngày 08/8/2016. Xét về mặt hình thức, cả hai hợp đồng đều được xác lập bằng văn bản, do người có thẩm quyền của Ngân hàng TNHH Một thành viên H2 (Việt Nam) và bà Bùi Thị Lan A cùng ký kết. Về nội dung, hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, thể hiện ý chí tự nguyện của các bên khi tham gia giao dịch, phù hợp quy định tại Điều 117, Điều 118, Điều 119 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, Đơn yêu cầu cung cấp tín dụng và mở tài khoản cá nhân ngày 21/03/2019 và Đơn đăng ký thẻ tín dụng Ngân hàng HSBC ngày 08/8/2016 có hiệu lực pháp luật.

[3.2] Nguyên đơn **Ngân hàng TNHH Một thành viên H2** (Việt Nam) yêu cầu bị đơn bà **Bùi Thị Lan A** trả tiền nợ gốc 429.716.981 đồng phát sinh từ Đơn yêu cầu cung cấp tín dụng và mở tài khoản cá nhân ngày 21/3/2019, Hội đồng xét xử nhận định: Theo bản tự khai của **Ngân hàng TNHH Một thành viên H2** (Việt Nam) và thì số tiền nợ gốc mà bà **Lan A** phải trả cho **Ngân hàng TNHH Một thành viên H2** (Việt Nam) là 429.716.981 đồng. Do bà **Lan A** không có mặt trong quá trình tố tụng mặc dù đã được Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức thông báo văn bản tố tụng trên các phương tiện thông tin đại chúng nên Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức không thu thập được các tài liệu, chứng cứ do bà **Lan A** xuất trình. Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ do **Ngân hàng TNHH Một thành viên H2** (Việt Nam) giao nộp, căn cứ Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử buộc bà **Lan A** hoàn trả số tiền nợ gốc 429.716.981 đồng cho **Ngân hàng TNHH Một thành viên H2** (Việt Nam).

[3.3] Nguyên đơn **Ngân hàng TNHH Một thành viên H2** (Việt Nam) yêu cầu bị đơn bà **Bùi Thị Lan A** hoàn trả nợ lãi trong hạn: 141.429.834 đồng, nợ lãi quá hạn tạm tính đến ngày 28/6/2024 là 175.002.031 đồng phát sinh từ Đơn yêu cầu cung cấp tín dụng và mở tài khoản cá nhân ngày 21/3/2019, Hội đồng xét xử nhận định:

[3.3.1] Về mức lãi suất quá hạn: Theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015, điểm c khoản 4 Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của **Ngân hàng N**, trường hợp khoản vay bị chuyển nợ quá hạn thì khách hàng phải trả lãi trên dư nợ, lãi suất quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất vay trong hạn theo hợp đồng, tương ứng với thời gian chậm trả. Tại điểm 3.3 Đơn yêu cầu cung cấp tín dụng và mở tài khoản cá nhân ngày 21/03/2019, các bên thỏa thuận như sau: “*Nếu số dư tài khoản liên quan của Bên Vay không đủ để thanh toán Khoản vay gốc đến hạn (cho dù đến hạn thanh toán theo quy định của Hợp đồng, do thu hồi nợ trước hạn, hoặc theo cách khác) thì lãi vay đối với Khoản Vay gốc quá hạn (“Lãi Vay đối Với Khoản Vay Gốc Quá Hạn”) sẽ được tính ở mức 150% (hoặc một mức thấp hơn được xác định và Thông báo bởi Ngân hàng đến Bên Vay tùy từng thời điểm)*”.

[3.3.2] **Ngân hàng TNHH Một thành viên H2** (Việt Nam) yêu cầu bà **Bùi Thị Lan A** hoàn trả nợ lãi trong hạn: 141.429.834 đồng, nợ lãi quá hạn tạm tính đến ngày 28/6/2024: 175.002.031 đồng là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng. Theo đó: “*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*”. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà **Lan A** đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền, nay **Ngân hàng TNHH Một thành**

viên H2 (Việt Nam) yêu cầu bà Lan A trả tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010.

[3.3.3] Tổng cộng tiền nợ gốc và lãi, số tiền bà Lan A phải trả là: 746.148.847 đồng.

[3.4] Ngoài ra, Ngân hàng TNHH Một thành viên H2 (Việt Nam) yêu cầu bị đơn bà Bùi Thị Lan A trả cho Ngân hàng TNHH Một thành viên H2 (Việt Nam) khoản tiền nợ lãi từ thẻ tín dụng 96.909.180 đồng. Theo bản tự khai và B xác nhận gốc và lãi trả hàng tháng do Ngân hàng TNHH Một thành viên H2 (Việt Nam) cung cấp, bà Lan A chỉ thực hiện nghĩa vụ trả tiền đến ngày 16/11/2021. Số tiền bà Lan A còn phải trả cho Ngân hàng TNHH Một thành viên H2 (Việt Nam) là 96.909.180 đồng. Bà Lan A không tham gia tố tụng mặc dù Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức đã thực hiện thủ tục thông báo văn bản tố tụng trên phương tiện thông tin đại chúng và cũng không xuất trình tài liệu, chứng cứ để chứng minh đã hoàn trả đủ tiền cho Ngân hàng TNHH Một thành viên H2 (Việt Nam) nên dựa trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được, căn cứ quy định tại Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TNHH Một thành viên H2 (Việt Nam), buộc bà Lan A phải trả cho Ngân hàng TNHH Một thành viên H2 (Việt Nam) số tiền 96.909.180 đồng.

[3.6] Tổng cộng, tạm tính đến ngày 28/6/2024, bà Bùi Thị Lan A phải hoàn trả cho Ngân hàng TNHH Một thành viên H2 (Việt Nam) số tiền: 843.058.027 đồng.

[3.7] Ngân hàng TNHH Một thành viên H2 (Việt Nam) yêu cầu bà Lan A thanh toán tiền lãi phát sinh ngay sau ngày 28/6/2024 cho đến khi trả dứt nợ. Xét yêu cầu của Ngân hàng TNHH Một thành viên H2 (Việt Nam) là đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp Ngân hàng TNHH Một thành viên H2 (Việt Nam) và phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.8] Ngân hàng TNHH Một thành viên H2 (Việt Nam) yêu cầu bà Lan A phải chịu chi phí thông báo văn bản tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định: Bà Bùi Thị Lan A không còn cư trú, làm việc tại các địa chỉ do bà cung cấp trong Đơn yêu cầu cung cấp tín dụng và mở tài khoản cá nhân ngày 21/03/2019. Bà Lan A là bên có nghĩa vụ đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ hoàn trả tiền và cũng không thông báo thay đổi địa chỉ cư trú, địa chỉ nơi làm việc cho bên có quyền là Ngân hàng TNHH Một thành viên H2 (Việt Nam) biết, dẫn đến phát sinh chi phí thông báo văn bản tố tụng trên phương tiện thông tin đại chúng, lỗi thuộc về bà Lan A nên bà Lan A phải chịu toàn bộ chi phí thông báo văn bản tố tụng. Theo Hóa đơn bán hàng số 00000110 ngày 22/6/2024, chi phí thông báo trên Đ

là 1.050.000 đồng, chi phí đăng tin nhắn trên **B1** là 10.500.000 đồng, **Ngân hàng TNHH Một thành viên H2** (Việt Nam) đã tạm ứng chi phí thông báo văn bản tố tụng, do đó, Hội đồng xét xử buộc bà **Lan A** phải trả lại cho **Ngân hàng TNHH Một thành viên H2** (Việt Nam) số tiền 11.550.000 đồng.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu tiền án phí.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức là phù hợp quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 370, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Luật Thi hành án dân sự.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn **Ngân hàng TNHH Một thành viên H2** (Việt Nam):

Buộc bà **Bùi Thị Lan A** hoàn trả cho **Ngân hàng TNHH Một thành viên H2** (Việt Nam) tiền nợ tạm tính đến ngày 28/6/2024 là 843.058.027 (tám trăm bốn mươi ba triệu, không trăm năm mươi tám nghìn, không trăm hai mươi bảy) đồng, trong đó:

- Nợ phát sinh từ Đơn yêu cầu cung cấp tín dụng và mở tài khoản cá nhân ngày 21/3/2019, gồm: Nợ gốc 429.716.981 đồng; Nợ lãi trong hạn: 141.429.834 đồng; Nợ lãi quá hạn tạm tính đến ngày 28/6/2024: 175.002.031 đồng. Tổng cộng cả tiền nợ gốc và lãi: 746.148.847 đồng (bảy trăm bốn mươi sáu triệu, một trăm bốn mươi tám nghìn, tám trăm bốn mươi bảy) đồng.

- Nợ phát sinh từ Đơn đăng ký thẻ tín dụng **Ngân hàng TNHH Một thành viên H2** ngày 08/8/2016 là 96.909.180 (chín mươi sáu triệu, chín trăm lẻ chín nghìn, một trăm tám mươi) đồng.

Các bên thực hiện giao nhận tiền ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, tại **Ngân hàng TNHH Một thành viên H2** (Việt Nam) hoặc cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 28/6/2024, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trong trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí:

- Bà **Bùi Thị Lan A** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm sơ thẩm 37.291.741 (ba mươi bảy triệu, hai trăm chín mươi một nghìn, bảy trăm bốn mươi một) đồng, bà **Lan A** không phải chịu án phí.

- **H1** lại cho **Ngân hàng TNHH Một thành viên H2** (Việt Nam) số tiền tạm ứng án phí 6.179.608 (sáu triệu, một trăm bảy mươi chín nghìn, sáu trăm lẻ tám) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0028130 ngày 28/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức.

3. Về chi phí thông báo văn bản tố tụng:

- Bà **Bùi Thị Lan A** phải hoàn trả cho **Ngân hàng TNHH Một thành viên H2** (Việt Nam) chi phí thông báo văn bản tố tụng là 11.550.000 (mười một triệu, năm trăm năm mươi nghìn) đồng, giao nhận tiền ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật tại **Ngân hàng TNHH Một thành viên H2** (Việt Nam) hoặc cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Về quyền kháng cáo:

- Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục Thi hành án dân sự Tp. Thủ Đức;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Trúc Chi